

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 7/8/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Quy

2. Bà Lê Thị Thanh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:***

Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, không hòa thuận, thường xuyên cãi vã nhau từ tháng 12/2022, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H nghiện ma túy đã đưa đi cai nghiện nhưng về vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, chị khuyên can nhưng anh H không thay

đôi. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, chị về sống chung với gia đình chị, anh H thì ở trọ vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ được. Chị xác định không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Có hai cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/07/2013 và Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 03/10/2015.

Hiện hai cháu đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và cháu N. Không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 26/6/2023 chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến Tòa làm việc và cũng vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để cung cấp lời khai, thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H. Xét cho chị H được ly hôn với anh H. Giao 02 con chung là cháu H và N cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2013 quyển số 11/2013 ngày 29/10/2013) theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H nhận nhưng không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, Chị H và anh H kết hôn năm 2013 đến năm 2018 thì tự sống ly thân nhau đến nay, anh H sống buông thả vi phạm pháp luật, nghiện ma túy không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị khai con chung có 2 cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/07/2013 và cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 03/10/2015.

Cháu H và N đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, thời gian sống ly thân từ năm 2018 đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con, các cháu được chị H nuôi dạy tốt. Cuộc sống các cháu đã ổn định nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 giao hai cháu H và N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị H nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: chị H đều không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hồng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Minh H.

2- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/07/2013 và cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 03/10/2015 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời, anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh H có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4- Về án phí: chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009236 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí.

5- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 tròn ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. L (1);
- Chi cục THADS h. L(1);
- UBND xã B(1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA